

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **61/2020/DS-ST**

Ngày: 30/9/2020

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” **NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Kim Mỹ

Bà Dương Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Chiến Trực – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Vào ngày 30 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 150/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2020/QĐXX-ST ngày 01 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam**

Địa chỉ: 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phan Đức T** – Chức vụ Tổng giám đốc làm đại diện.

- Đơn vị được nguyên đơn ủy quyền ký đơn khởi kiện: ông **Trương Minh T1** – Giám đốc - Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh K.

Địa chỉ: 59 Đại lộ DK, phường AH, thành phố BT

- Người được ủy quyền tham gia tố tụng ông **Huỳnh Phát H**, sinh năm 1980, chức vụ: – Phó Trưởng phòng khách hàng - Chi nhánh tỉnh K (có mặt)

*** Bị đơn:** - Bà **Phạm Thị Tr**, sinh năm 1960 (vắng mặt)

- Ông **Trần Văn H1**, sinh năm 1960 (vắng mặt)

Cùng cư trú: khu phố L, thị trấn G, huyện T, tỉnh BT

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan**

- Chị **Trần Thị Q**, sinh năm 1985 (vắng mặt)

- Chị **Trần Ngọc Y**, sinh năm 1988 (vắng mặt)

- Chị **Trần Thị Nhã Ph**, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Cùng cư trú: khu phố L, thị trấn G, huyện T, tỉnh BT

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự KH1 cùng các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án đại diện nguyên đơn anh Huy trình bày: Ngày 11/11/2013 bà Phạm Thị Tr và ông Trần Văn H1 có vay vốn tại ngân hàng MHB nay là Ngân hàng BIDV - Chi nhánh K số tiền vay là 200.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số TA.0768.13/HĐTD ngày 11/11/2013 thời hạn vay là 60 tháng, mục đích vay xây dựng chuồng trại, lãi suất 13%/năm và được áp dụng theo phương pháp thả nổi được điều chỉnh theo lãi suất thị trường theo từng thời điểm. Hình thức bảo đảm tiền vay là thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền quyền sử dụng đất của ông H1 bà Tr diện tích đất là 1.614,7m² đất T và LN số thửa 71 tờ bản đồ 58 toạ lạc tại thị trấn Giồng Trôm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 117597 do UBND huyện Giồng Trôm cấp ngày 29/12/2000 theo Hợp đồng Thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0768.13/HĐTC ngày 11/11/2013. Trong quá trình vay bên vay đã không thực hiện đúng thỏa thuận để phát sinh nợ quá hạn kéo dài. Đại diện ngân hàng trực tiếp làm việc và yêu cầu bên vay vốn trả nợ hoặc giao tài sản thế chấp cho ngân hàng phát mãi để thu hồi nợ nhưng bên vay vốn không đồng ý do đó ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngày 29/9/2020 bà Tr có trả tiếp cho ngân hàng số tiền là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Nay ngân hàng yêu cầu bà Tr ông H1 trả cho ngân hàng số tiền vốn và lãi tính đến ngày 30/9/2020 là 204.285.360 đồng (trong đó nợ gốc là 130.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 57.578.930 đồng; lãi quá hạn là 16.697.430 đồng) cùng số tiền lãi phát sinh thêm từ ngày 01/10/2020 theo lãi suất thỏa thuận đến khi trả tất nợ vay. Nếu bà Tr ông H1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng được quyền phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi khoản nợ vay.

* *Bị đơn bà Tr trình bày:* Năm 2013 bà có vay vốn ngân hàng MHB số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay và lãi suất vay đúng như đại diện ngân hàng trình bày. Bà có thế chấp quyền sử dụng 1.614,7m² cho ngân hàng. Bà thống nhất còn nợ ngân hàng số tiền là 232.613.069 đồng (trong đó nợ gốc là 160.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 56.473.069 đồng; lãi quá hạn là 16.140.000 đồng). Bà đồng ý trả nợ gốc, nợ lãi và phần lãi phát sinh. Nếu bà không trả thì bà đồng ý phát mãi tài sản đã thế chấp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã nhiều lần mời ông H1, chị Q, chị Y và chị Ph đến để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông H1, chị Q, chị Y và chị Ph vẫn vắng mặt nên đã tiến hành việc công khai chứng cứ và hòa giải vắng mặt đối với ông H1, chị Q, chị Y và chị Ph.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả của việc tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 21/7/2020 Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh K có đơn khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Tr và ông Trần Văn H1 phải thanh toán cho ngân hàng khoản tiền vay theo Hợp đồng tín dụng số TA.0768.13/HĐTD ngày 11/11/2013 và phần lãi phát sinh của số tiền trên. Bà Tr, ông H1 cư trú tại thị trấn Giồng Trôm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre nhưng Ngân hàng BIDV - Chi nhánh K có trụ sở tại thành phố Bến Tre, Ngân hàng đã lựa chọn Tòa án thành phố Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thành phố Bến Tre theo quy định tại các Điều 26, Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Ngân hàng BIDV - Chi nhánh K khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Tr và ông Trần Văn H1 phải trả nợ cho ngân hàng số tiền là 204.285.360 đồng (trong đó nợ gốc là 130.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 57.578.930 đồng; lãi quá hạn là 16.697.430 đồng) theo Hợp đồng tín dụng số TA.0768.13/HĐTD ngày 11/11/2013 và phần lãi phát sinh của số tiền gốc từ ngày 01/10/2020 cho đến khi trả nợ xong. Từ đó có đủ cơ sở kết luận quan hệ tranh chấp liên quan đến số tiền trên là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” được quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo hòa giải nhưng ông H1, chị Q, chị Y và chị Phg không có mặt theo thông báo hòa giải nên Tòa án đã tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vắng mặt đối với ông H1, chị Q, chị Y và chị Ph. Ngoài ra, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre cũng đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập, quyết định hoãn phiên tòa cho ông H1, chị Q, chị Y và chị Ph để tham gia phiên tòa nhưng ông H1, chị Q, chị Y và chị Ph vẫn vắng mặt không lý do. Bà Tr đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông H1, chị Q, chị Y và chị Ph là phù hợp.

[4] Về nội dung vụ án: Ngày 11/11/2013 bà Phạm Thị Tr và ông Trần Văn H1 có vay vốn tại Ngân hàng MHB nay là Ngân hàng BIDV - Chi nhánh K số tiền vay là 200.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số TA.0768.13/HĐTD ngày 11/11/2013 thời hạn vay là 60 tháng, mục đích vay xây dựng chuồng trại, lãi suất 13%/năm và được áp dụng theo phương pháp thả nổi được điều chỉnh theo lãi suất thị trường theo từng thời điểm. Hình thức bảo đảm tiền vay là thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền quyền sử dụng đất của ông H1 bà Tr diện tích đất là 1.614,7m² đất T và LN số thửa 71 tờ bản đồ 58 tọa lạc tại thị trấn Giồng Trôm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 117597 do UBND huyện Giồng Trôm cấp ngày 29/12/2000 theo Hợp đồng Thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0768.13/HĐTC ngày 11/11/2013. Trong quá trình vay bên vay đã không thực hiện đúng thỏa thuận để phát sinh nợ quá hạn kéo dài. Đại diện ngân hàng trực

tiếp làm việc và yêu cầu bên vay vốn trả nợ hoặc giao tài sản thế chấp cho ngân hàng phát mãi để thu hồi nợ nhưng bên vay vốn không đồng ý do đó ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi Tòa án hòa giải thì vào ngày 29/9/2020 bà Tr có trả cho ngân hàng số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Nay ngân hàng yêu cầu bà Tr ông H1 trả cho ngân hàng số tiền vốn và lãi tính đến ngày 30/9/2020 là 204.285.360 đồng (trong đó nợ gốc là 130.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 57.578.930 đồng; lãi quá hạn là 16.697.430 đồng) cùng số tiền lãi phát sinh thêm từ ngày 01/10/2020 theo lãi suất thỏa thuận đến khi trả hết nợ vay. Nếu bà Tr ông H1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng được quyền phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi khoản nợ vay. Trong quá trình giải quyết bà Tr thừa nhận còn nợ ngân hàng khoản tiền gốc và lãi suất như đại diện ngân hàng trình bày, bà đồng ý trả khoản tiền trên, nếu không trả được thì bà cũng đồng ý phát mãi tài sản thế chấp.

Đối với Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số Hợp đồng Thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0768.13/HĐTC ngày 11/11/2013. Bên thế chấp là bà Phạm Thị Tr, chị Trần Thị Y, chị Trần Thị Q và chị Trần Thị Nhã Ph. Quyền sử dụng đất này được cấp cho hộ ông Trần Văn H1 với diện tích đất là 1.614,7m² đất T và LN số thửa 71 tờ bản đồ 58 tọa lạc tại thị trấn Giồng Trôm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 117597 do UBND huyện Giồng Trôm cấp ngày 29/12/2000. Trong Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0768.13/HĐTC ngày 11/11/2013 có chữ ký của ông H1, bà Tr, chị Yến, chị Q và chị Ph điều này chứng tỏ việc các bên ký hợp đồng thế chấp là tự nguyện và phù hợp với qui định của pháp luật.

Tính đến ngày 30/9/2020 thì bà Tr, ông H1 còn nợ Ngân hàng số tiền là 204.285.360 đồng (trong đó nợ gốc là 130.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 57.578.930 đồng; lãi quá hạn là 16.697.430 đồng). Do đó nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng buộc bà Tr ông H1 có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng số tiền vốn và lãi nêu trên cùng số tiền lãi phát sinh thêm từ ngày 01/10/2020.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ theo khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 48 Nghị quyết 326/2019/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Tr, ông H1 thuộc trường hợp không phải chịu án phí nên án phí được miễn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 147, 207, 227, 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự;

Điều 25 luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bà Phạm Thị Tr và ông Trần Văn H1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam (do Chi nhánh K nhận thay) số tiền là 204.285.360 đồng (Hai trăm lẻ bốn triệu hai trăm tám mươi lăm ngàn ba trăm sáu mươi đồng) (trong đó nợ gốc là 130.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 57.578.930 đồng; lãi quá hạn là 16.697.430 đồng)

Bà Phạm Thị Tr và ông Trần Văn H1 còn phải tiếp tục chịu lãi trên số nợ gốc từ ngày 01/10/2020 cho đến khi trả hết nợ theo Hợp đồng tín dụng số TA.0768.13/HĐTD ngày 11/11/2013

Trường hợp bà Tr ông H1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay thì Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam được quyền yêu cầu xử lý các tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0768.13/HĐTC ngày 11/11/2013 để thu hồi nợ, cụ thể: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền quyền sử dụng đất của bà Tr ông H1 diện tích đất là 1.614,7m² đất T và LN số thửa 71 tờ bản đồ 58 tọa lạc tại thị trấn Giồng Trôm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 117597 do UBND huyện Giồng Trôm cấp ngày 29/12/2000.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm bà Tr, ông H1 được miễn. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam (do chi nhánh K nhận thay) số tiền là 5.712.000 đồng (Năm triệu bảy trăm mười hai ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0012018 ngày 03/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre .

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Bến Tre; (1b)
- TAND tỉnh Bến Tre; (1b)
- Chi cục THADS TP Bến Tre; (1b)
- Các đương sự; (2b)
- Lưu hồ sơ. (1b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Duy Phong

Nơi nhận:

- VKSND TP Bến Tre; (1b)
- TAND tỉnh Bến Tre; (1b)
- Chi cục THADS TP Bến Tre; (1b)
- Các đương sự; (3b)
- Lưu hồ sơ. (1b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Phong

Nơi nhận:

- VKSND TP Bến Tre; (1b)
- TAND tỉnh Bến Tre; (1b)
- Chi cục THADS TP Bến Tre; (1b)
- Các đương sự; (3b)
- Lưu hồ sơ. (1b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Phong

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hiền

Nguyễn Thị Bé Em

Nguyễn Duy Phong

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ'

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Hưng

Lý Thị Kim Ngân

Nguyễn Duy Phong